

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỐ

QUYỂN 39

(Đi vào quyển thứ 37 trong kinh).

Đoạn thứ sáu: HIỆN TIỀN ĐỊA

Đầu là nguyên cố đưa ra: Đã nói về Tuệ tương ứng với các Đế, tiếp theo nói về Tuệ tương ứng với duyên khởi lưu chuyển dừng lại, nương vào Duyên Giác Địa, cho nên tiếp tục đưa ra. Vả lại, Địa thứ tư là xuất thế gian mà chưa có thể tùy thuận thế gian, Địa thứ năm có thể tùy thuận nhưng không có thể phá bỏ kiến chấp về nhiễm-tịnh, Địa này quán sát pháp giới không có nhiễm-tịnh, cho nên phá bỏ kiến chấp ấy. Vì vậy luận Du Già nói: “Địa trước tuy luôn luôn tác ý rời xa-hướng về, có thể rời bỏ đối với sinh tử và Niết-bàn, mà chưa có thể quán sát như thật đối với sinh tử lưu chuyển. Lại bởi vì ở Địa ấy phần nhiều sinh tâm chán ngán, mà chưa có thể tác ý nhiều về trú trong Vô tướng, để giúp cho phần này được viên mãn, cho nên tinh tiến chịu khó tu tập, khiến cho được viên mãn.” Vì vậy tiếp tục đưa ra.

Gọi là Hiện Tiền, luận Trang Nghiêm nói: “Không trú trong sinh tử và Niết-bàn, mà Tuệ quán sát hiện rõ trước mắt.” Đây là dựa theo bắt đầu trú vào Địa, bởi vì cùng quán sát về Địa thứ năm trước đây, nay được hiện rõ trước mắt.

Luận Thập Trú nói: “Đã làm cho ma sự phải hàng phục, pháp của đạo Bồ-tát đều hiện rõ ở trước mắt.” Cũng dựa theo bắt đầu mà nói.

Luận Du Già dẫn ra kinh Giải Thâm Mật nói: “Quán sát các hành lưu chuyển hiện rõ trước mắt. Lại tác ý tu nhiều đối với Vô tướng, mới được hiện rõ trước mắt, là tu nhiều về Vô tướng. Đây là dựa theo bắt đầu trú vào Địa, bởi vì quán sát về mười tâm bình đẳng. Quán sát về lưu chuyển, đây là dựa theo ở trong Địa, bởi vì đã tiến vào Địa rồi, mới quán sát về duyên khởi.”

Nhiếp Luận nói: “Bởi vì Trí duyên khởi, có thể khiến cho Bát-nhã

Ba-la-mật luôn luôn hiện rõ ở trước mắt.” Cách giải thích này chính là thuận với kinh này, dựa theo ở trong Địa mà nói.

Vô Tánh giải thích rằng: “Nghĩa là trong Địa này, trú vào Trí duyên khởi, nhờ vào lực của Trí này, khiến cho Trí không có phân biệt mà được hiện rõ trước mắt, tỏ ngộ tất cả các pháp không có nhiễm-không có tịnh.” Luận Duy Thức giống như Nhiếp Luận.

Phần Căn bản trước đây nói Bát-nhã hiện rõ trước mắt có gián đoạn, là bởi vì chọn ra Địa sau. Vì vậy chương ngại đã đoạn trừ cũng là đoạn trừ nhiễm-tịnh.

Luận Duy Thức gọi là chương hiện hành của tướng thô, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chương, chấp có nhiễm-tịnh thuộc hiện hành của tướng thô, Câu sinh ấy chương ngại đến đạo không có nhiễm-tịnh của Địa thứ sáu, lúc tiến vào Địa thứ sáu thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ, bởi vì quán sát về mười tâm bình đẳng. Vì vậy Địa thứ sáu nói về đoạn trừ hai Ngu và Câu sinh thô nặng: 1- Ngu về quán sát hiện hành lưu chuyển, tức là trong này chấp có nhiễm ô, bởi vì các hành lưu chuyển do phần nhiễm ô thấu nhiếp; 2- Ngu về nhiều tướng hiện hành, tức là trong này chấp có tướng thanh tịnh mà thực hành nhiều về quán sát tướng, chưa có thể dành nhiều thời gian trú vào quán sát Vô tướng.

Ngu đầu tức là chấp vào Khổ-Tập, Ngu sau tức là chấp vào Diệt-Đạo. Phần Căn bản gọi là tập khí của phiền não vi tế, bởi vì chấp vào nhiễm-tịnh vi tế tức là phiền não, so sánh với Địa trước cho nên nói là vi tế. Luận Duy Thức so sánh với Địa sau gọi là tướng thô, bởi vì đoạn trừ Ngu này thì chứng được Chân Như không có nhiễm-tịnh, nghĩa là tánh vốn có của Chân Như này không có nhiễm ô, cho nên cũng không thể nói là về sau mới thanh tịnh.

Nhiếp Luận gọi là pháp giới không có nhiễm-tịnh, sau thành tựu về hành Bát-nhã, cũng đạt được quả không có nhiễm tịnh của Tự-Tha nối tiếp nhau, Lý ấy như nhau.

Sau là chính thức giải thích văn, cũng có ba phần:

Phần một- Phần ca ngợi thừa thỉnh, có chín kệ phân hai: Trước có tám kệ rưỡi là ca ngợi, sau có nửa kệ là thừa thỉnh.

Trong tám kệ rưỡi phân hai: Một kệ đầu là Bồ-tát ca ngợi. Bảy kệ rưỡi còn lại là chư Thiên ca ngợi-cúng dường, trong đó có ba: Một kệ trước là Thiên Chúng, một kệ tiếp là Thiên Vương, năm kệ rưỡi sau là Thiên Nữ.

Trong năm kệ rưỡi: Ba câu đầu là tự thuật của người kết tập kinh pháp, nêu lên ca ngợi về quả Phật; từ “Phật ngữ...” trở xuống là chính

thức ca ngợi, câu này ca ngợi về Giáo, một kệ tiếp là ca ngợi về Lý, ba kệ tiếp là ca ngợi về Hạnh.

Trong ba kệ: Một kệ đầu là Hạnh thuộc về Bi-Trí vô ngại; hai kệ sau là Hạnh thuộc về Tu đầy đủ mười Độ. Chủ yếu bắt dứt các điều ác, là thấy điều ác có thể trừ bỏ, không phải là chân thật trì giới. Khéo léo thông hiểu về tánh Không, tức là Bát-nhã Độ. Phân biệt về pháp tức là Phương tiện Độ. Trí lực tức là hai Độ. Cứu giúp rộng khắp là bao gồm Nguyện.

Nửa kệ sau là kết thúc im lặng.

Phần hai: Chính thức thuyết giảng, cũng phân làm hai: Trước là Hạnh của Địa, sau là Quả của Địa.

Trong phần trước là Hạnh của Địa, giống như Địa trước cũng có ba phần: 1- Đối trị Mạn về thù thắng; 2- Từ “Phật tử...” đến “Quán như thị...” trở xuống là về Hạnh thù thắng không trú vào đạo; 3- Từ “Phật tử...” đến “Dĩ như thị thập chủng...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng ấy.

Cũng phần 1 tức là tâm tiến vào, 2 phần sau tức là tâm trú vào. Trong phần trú vào: Trước tức là thâm nhiếp Chánh Tâm Trú, sau tức là thâm nhiếp Thiện Hiện Hạnh và Tùy Thuận Thiện Căn Hồi Hương. Đến văn sẽ nhận biết.

Nay lại dựa vào Luận, nhưng ba phần tuy giống nhau mà từng bước vượt lên thù thắng. Tướng thù thắng như thế nào? Nghĩa là Địa thứ tư nói đến đối trị Mạn về pháp hiểu biết là Ngã mạn của chúng sinh, trong Địa thứ năm nói đến đối trị Mạn về thân thanh tịnh, nay Địa thứ sáu nói đến đối trị Mạn về giữ lấy tướng nhiễm-tịnh, pháp đã đối trị dần dần vi tế cho nên gọi là thù thắng. Pháp đối trị đã vi tế, hai phần sau cũng vượt qua Mạn về nhiễm-tịnh, trước quán sát bốn Đế, Khổ-Tập gọi là nhiễm, Diệt-Đạo gọi là tịnh.

Lại mười tâm bình đẳng tùy thuận đạo thuộc về Như, chỉ dựa theo thanh tịnh mà nói, tướng nhiễm ô chưa mất, đối với nhiễm ô có thanh tịnh, cũng gọi là giữ lấy thanh tịnh. Nay dùng mười pháp nhiễm-tịnh bình đẳng mà làm chủ động đối trị, về sau quán sát duyên khởi, tuy có nhiễm-tịnh nhưng tỏ ngộ sâu sắc về Không, cho nên không gọi là Mạn về giữ lấy.

Trong phần 1- Đối trị Mạn về thù thắng, phân bốn: a- Nhắc lại phần trước nêu lên phần sau; b- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là đưa ra mười tâm; c- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là kết luận về công năng của hạnh ấy; d- Từ “Đắc minh lợi...” trở xuống là phân rõ về phạm vi

giới hạn của hạnh.

Trong phần b là đưa ra mười tâm, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát nói: Tất cả pháp, Luận nói: Là mười hai Nhập, bởi vì trong ba khoa thì Uẩn không thấu nhiếp Vô vi, Xứ-Giới thấu nhiếp tất cả, mà Xứ tiếp ở sau Uẩn, lại gọi là Sinh môn, thuận với nghĩa Vô sinh, cho nên chỉ đưa ra pháp ấy. Nói Vô tướng, Luận nói: Tự tánh vốn là Vô tướng, nghĩa là tướng của mười hai Nhập do duyên tạo thành, có là ngay nơi không có, không phải là suy ra khiến cho không có, vì vậy nói là không có tự tánh. Do đó luận Du Già nói: “Bởi vì có tánh bình đẳng Vô tướng là tự tánh thuộc về Thắng nghĩa.” Cũng giống như kinh Tịnh Danh nói: “Không nghĩ đến trong-ngoài mà hành bình đẳng...”

Trong riêng biệt có chín câu trình bày về chín loại tướng, đều không có tự tánh, vì vậy Luận nói: Phân biệt đối trị lẫn nhau có chín loại, nghĩa là chín loại như Thể của Sinh..., là thụ động đối trị; một chữ Vô là không có tự tánh, dùng làm chủ động đối trị. Luận dùng không có tự tánh ở câu đầu xuyên suốt chín câu sau, cho nên chỉ hiển bày về tướng sai biệt của thụ động đối trị.

1- Thể không có cho nên bình đẳng, Luận về Kinh nói là Vô tướng. Luận nói: Tự tướng của mười hai Nhập là Tướng, nghĩa là sáu Căn bên trong giữ lấy tướng của sáu Trần bên ngoài, tổng quát gọi là Tướng, tức là Thể của mười hai Nhập. Nay Kinh nói Tướng là Thể bởi vì giữ lấy hình ảnh làm Thể, cho nên cũng không có tự tánh. Kinh nói: Thể không có cho nên bình đẳng. Phần sau đều dựa theo đây. Câu trên đây là loại bỏ tâm phân biệt.

2- Sinh là hành tướng của Niệm lần lượt chuyển tiếp, nghĩa là quả khổ của các Nhập vốn là phân biệt hư vọng làm căn bản.

3- Thành là hành tướng của Sinh lần lượt chuyển tiếp, nghĩa là Sinh tức là quả khổ, từ quả khởi nhân, cho nên nói là lần lượt chuyển tiếp. Hai câu trên là loại bỏ Y tha thuộc phần nhiễm, chỉ nêu ra do duyên tạo thành, đã hiển bày về Vô sinh thì không có nghĩa về Ngã.

4- Tức là loại bỏ về tướng thanh tịnh, nghĩa là xưa nay tự nhiên thanh tịnh, không phải là diệt trừ phiền não mới thanh tịnh, cho nên bình đẳng.

5- Loại bỏ về tướng phân biệt, nghĩa là Đạo có thể phân biệt để lựa chọn diệt trừ phiền não, nếu có phân biệt thì có hý luận, nay vốn không có hý luận cho nên không có phân biệt. Hai câu trên là loại bỏ Y tha thuộc phần tịnh.

6- Loại bỏ về tướng ẩn-hiện, nghĩa là tánh của Chân Như, còn vọng là ẩn kín, lia bỏ cấu uế là hiện bày. Nay Thể của Vọng tức là Chân, cho nên không có gì đáng rời bỏ; Thể của Chân tức là Không, cho nên không có gì đáng giữ lấy.

7- Loại bỏ về tướng nhiễm, tức là dựa vào nghĩa trên thì nhiễm vốn tịch tịnh, tức là Chân Như mà không có Chân nào khác. Hai câu trên là loại bỏ Viên thành, tức là Chân tánh của mười hai Nhập.

8- Loại bỏ về tướng Ngã không phải là có, câu này có hai ý: Một- Giải thích tương tự trước đây, nghĩa là có người chấp rằng chỉ riêng Ngã không có mà không thể không có đối với Sự, nói là Sự như huyễn... thì có cũng không thật. Hai- Câu này loại bỏ về không có, bởi vì trên đây lấy không có để loại bỏ có, sợ rằng liền chấp là không có, cho nên loại trừ nói là như huyễn mộng... chỉ là không có, mà thật ra không phải là hoàn toàn không có, không nên chấp về tướng Ngã không phải là có.

Các Dụ tuy khác mà ý chính không có khác nhau, cũng có thể tám Dụ riêng biệt đối với tám câu tổng-biệt trước đây, nghĩa là: Như huyễn mà không có tướng, như mộng mà tướng hiện ra, quả sinh mà như hình ảnh, nhân thành mà như tiếng vang, vốn thanh tịnh như trăng trong nước mà không thể nào giữ lấy, Chánh trí mà chỉ là gương Trí hiện rõ, ngọn lửa không thể nắm lấy mà cũng không thể rời bỏ, biến hóa không có tâm hiện rõ mà luôn luôn vắng lặng.

9- Loại bỏ về tướng Thành-Hoại, Thành tức là có, Hoại tức là không có, Duyên khởi là Thành, Vô tánh là Hoại, do duyên tạo thành tức là Vô tánh, cho nên có-không có không hai.

Chín câu trên: Bảy câu đầu là dùng không có để loại bỏ có, một câu tiếp là dùng Dụ để loại bỏ không có, một câu sau là không hai, loại bỏ cả hai thì cả hai không phải mà tiến vào Trung đạo.

Lại không hai này là không hủy hoại có-không có, nghĩa là nói về Không thì loại bỏ đối với chấp có, nói về có là loại bỏ Không. Mê lầm về có thì có mà không khác với Không, Không thì Không mà không khác với có, không có Không-Hữu riêng biệt mà làm thành hai, là loại bỏ cả hai câu.

Lại đã không hai, cũng không hủy hoại có-không có, thì có mà không khác với không có, là có mà không có; không có mà không khác với có, là không có mà không thể không có, thì cũng loại bỏ cat hai không phải (Câu phi). Đây chính là các kiến chấp về sai lầm của bốn câu phân biệt (Tứ cú bách phi) đều bật dứt, mới làm nhân của Bát-nhã hiện rõ trước mắt.

Phần c là kết luận về hạnh tiến vào Địa, vẫn có năm câu: Một- Nhắc lại mười pháp bình đẳng đã quán sát trước đây; Hai- Tự tánh thanh tịnh, là xa lìa cấu uế của Mạn về nhiễm-tịnh ở Địa trước; Ba- Mười pháp bình đẳng tùy thuận với Chân Như; Bốn- Bởi vì tâm không có phân biệt cho nên không trái với pháp đã quán sát; năm-Dựa vào bốn loại trước đây cho nên có thể tiến vào Địa thứ sáu.

Trong phần d là phân rõ về phạm vi giới hạn của hạnh có hai câu: Đạt được Nhãn sáng tỏ nhanh nhạy (Minh lợi nhãn), so sánh với trước để hiển bày về thù thắng; chưa đạt được Vô sinh, so sánh với sau để làm sáng tỏ về yếu kém.

Trong kinh Nhân Vương nói có năm Nhãn, gọi là Phục-Tín-Thuận-Vô sinh và Tịch diệt. Bốn loại trước đều có Hạ-Trung-Thượng. Địa tiền đạt được ba phẩm của Phục Nhãn, chín Địa như thứ tự phối hợp với ba Nhãn tiếp theo, Địa thứ mười và Phật đạt được Tịch Diệt Nhãn.

Nếu trong kinh Anh Lạc tách ra Đẳng Giác, thì cũng có ba phẩm. Nay Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu đều đạt được Thuận Nhãn, đây là Thượng phẩm đối trị với Mạn vi tế, cho nên nói là sáng tỏ nhanh nhạy.

Nói Tùy thuận, là bởi vì thuận với Vô sinh Nhãn ở Địa sau, nhưng dựa theo phần vị thật sự thì Địa thứ nhất đã đạt được Vô sinh. Nay dựa theo phần vị nương nhờ, là Địa thứ bảy-thứ tám-thứ chín.

Phần vị nương nhờ vì sao có điểm không giống nhau này? Nghĩa là nếu dựa theo Không-Vô ngã thì Lý là Vô sinh, tức là Địa thứ nhất chứng được Như cho nên gọi là đạt được. Nay không đạt được là bởi vì có bốn nghĩa:

1- Dựa theo mức độ cạn-sâu của Lý thuộc về Không: Địa thứ nhất quán sát về pháp hư giả, phá bỏ tánh mà hiển bày Không, chỉ gọi là Vô ngã. Nay trong Địa này, phá bỏ tướng hưởng về vắng lặng, chỉ gọi là bình đẳng. Nếu dựa theo Chứng thật, trở lại hưởng về nguồn gốc thường vắng lặng, thì không có tướng nào có thể sinh, Lý này chuyển sang sâu xa, cho nên Địa thứ bảy mới đạt được. Nếu dựa theo phù hợp với nguồn gốc thường vắng lặng, thì Lý này vi diệu nhất, cho nên sau Địa thứ mười mới đạt được.

2- Dựa vào hành phân biệt: Địa thứ sáu trở về trước thì từ từ khởi lên các hành, nghĩa là một Nguyên-hai Giới... cho nên gọi là Sinh; Địa thứ bảy trở lên thì niệm niệm lập tức khởi lên tất cả các hành, cho nên nói là Vô sinh.

3- Dựa theo hai pháp Không-Hữu: Địa thứ sáu trở về trước thì Không-Hữu xen nhau khởi lên, gọi đó là Sinh, Địa thứ bảy trở lên thì

Tịch-Dụng cùng hiện hành, cho nên gọi là Vô sinh.

4- Dựa theo tu tập phân biệt: Hành tu tập chưa thuần thực gọi đó là Sinh, hành tu tu thuần thực gọi là Vô sinh. Ở đây thì Địa thứ bảy trở về sau chưa đạt được Vô sinh, mà Kinh dựa vào Địa thứ tám mới hiển bày về Vô sinh.

Trong phần 2 là Hạnh thù thắng không trú vào đạo, phân ba: a- Tổng quát hiển bày về tâm-cảnh; b- Từ “Tác thị niệm...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tướng quán sát; c- Từ “Phật tử, Bồ-tát...” đến “Như thị thập chủng...” trở xuống là kết luận thành tựu về tên gọi của quán.

Phần a: Tổng quát hiển bày về tâm-cảnh, có hai: Trước-Quán sát như vậy rồi, là kết thúc phần trước; nguyên cơ kết thúc, là bởi vì tùy thuận quán sát trước đây, cho nên đạt đến đạo không trú vào. Sau-Từ “Phục dĩ...” trở xuống là chính thức hiển bày, vẫn có bốn câu: Ba câu trước phân rõ về tâm chủ động quán sát, một câu sau nêu lên cảnh thụ động quán sát. Ba câu trước đều là Bi, một câu sau là Trí. Dựa vào đây dẫn dắt nhau, cho nên gọi là không trú vào. Vì vậy, Luận kết thúc nói là: Bởi vì không trú vào sinh tử và Niết-bàn.

Trong ba câu trước: Vì chúng sinh quán sát về duyên, tổng quát gọi là Đại Bi, tùy theo quán sát không giống nhau cho nên phân làm ba mục riêng biệt:

Một- Thủ là nghĩa đầu tiên, bởi vì trước phải khởi lên Đại Bi mà quán sát về duyên. Vì vậy Luận nói không rời bỏ quá khứ-hiện tại-vị lai, mà Đại Bi thâm nhiếp thù thắng. Bởi vì tuy quán sát giống như Nhất thiết trí, quán sát về ba đời lưu chuyển, chán ngán lìa xa hữu vi, mà lấy Đại Bi làm trước hết, cho nên hơn hẳn Nhị thừa.

Hai- Tăng thượng, Luận nói: Bởi vì Trí thanh tịnh trong tất cả các pháp. Nghĩa là dùng Trí quán sát về tướng của Đạo, không những quán sát về ba đời mà còn hiểu rõ tất cả các pháp, cho nên nói là trong tất cả các pháp; lấy Trí này dẫn dắt tiến lên, khiến cho Bi tăng thượng. Vì vậy, vẫn sau Kinh nói: Đại Bi càng tăng lên.

Ba- Đầy đủ, Luận nói: Bởi vì Nhất thiết chủng vi tế quán sát về nhân duyên tích tập. Nghĩa là dùng Nhất thiết chủng trí soi chiếu tường tận không sót lại gì, cho nên gọi là vi tế. Ba loại về Bi làm thứ tự càng về sau càng sâu xa, cho nên Trí càng thù thắng. Dựa vào vẫn hiện có của Luận, trước là cùng trình bày về Bi-Trí, cùng bảo vệ phiền não và Tiểu thừa; sau chỉ nói đến nghĩa của Trí, là bảo vệ riêng phiền não. Ba loại đã cùng gọi là Bi, thì ba quán sau đều là cùng bảo vệ phạm phu-

Tiểu thừa, cùng bao gồm Tự lợi-Lợi tha thì cả hai đều không trú vào.

Một câu sau nêu lên cảnh thụ động quán sát, bởi vì trước diệt-sau sinh, nhiễm ô sinh ra thì thanh tịnh diệt đi.

Phần b là riêng biệt trình bày về tướng quán sát, tức là quán sát về duyên khởi. Nhưng nghĩa sâu xa về duyên khởi, là Tông chỉ thuộc về giáo pháp của Phật, tầng bậc của Thừa-Trí sai khác, mà cạn-sâu có nhiều loại. Long Thọ nói: “Nhân duyên có hai: 1- Trong; 2- Ngoài. Ngoài tức là nước-đất-hạt giống-mầm non..., trong tức là mười hai nhân duyên.” Nay chính là phân rõ về bên trong. Nhưng bên ngoài do bên trong mà biến hiện, gốc-ngọn thu nhận lẫn nhau, tức là một Đại duyên khởi hàm chứa toàn bộ pháp giới, nhiễm-tịnh đan xen xuyên suốt, nghĩa môn không phải là một. Phần sau sẽ tóm lược nêu ra. Nay trong văn của Kinh sơ lược hiển bày về mười lớp, suy xét tận cùng về tánh tướng để hiển bày về vô tận, không giống như Nhị thừa chỉ nương vào phần vị.

Nói về mười lớp: 1- Chi Hữu nối tiếp nhau; 2- Thân nhiếp đưa về một tâm; 3- Tự nghiệp giúp đỡ mà thành; 4- Không rời bỏ lẫn nhau; 5- Ba đường không đoạn dứt; 6- Luân hồi trong ba đời; 7- Ba khổ tích tập mà thành; 8- Nhân duyên sinh diệt; 9- Sinh diệt ràng buộc; 10- Tùy thuận không có gì tận cùng. Đều có nghịch-thuận tức là thành ra hai mươi. Vì vậy sau kết luận rằng: Quán sát nghịch-thuận như vậy, nghịch thì duyên diệt, thuận thì duyên sinh. Đây là dựa theo thuận-nghịch, sinh tử nối tiếp nhau không gián đoạn (Lưu chú), dùng làm nghịch-thuận.

Nếu dựa theo luận Đối Pháp quyển thứ 4, thì trong luận này gọi là nghịch-thuận, luận ấy gọi là nhiễm-tịnh. Trong nhiễm-tịnh đều có nghịch-thuận, thì thành ra bốn mươi, đến văn sau sẽ trình bày. Nay bởi vì dễ hiểu cho nên trong kinh lược bớt không có, mà chỉ có hai mươi lớp. Luận chủ lại dùng ba môn Quán về Bi trên đây để giải thích về mười lớp này, thì thành ra sáu mươi lớp. Người xưa chọn lấy đầy đủ ba Quán về Không trong phần quả ấy, thì có một trăm tám mươi lớp quán sát về duyên khởi.

Luận về ba Quán: 1- Quán sát về tướng sai biệt của Đế; 2- Quán sát về Đại Bi tùy thuận; 3- Quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng.

Một là chỉ quán sát về hai Đế, bởi vì hữu vi không có Ngã, tức là quán sát về Đại Bi làm đầu tiên; hai là Bi tăng lên tùy theo chúng sinh, tức là quán sát về Đại Bi tăng thượng; ba là quán sát tướng tận suy xét đến cùng các môn tánh-tướng thuộc về nhân duyên, tức là quán sát đầy đủ về Đại Bi.

Đầu là một Quán hưởng xuống dưới giống như Nhất thiết trí của

Nhị thừa, tiếp là một Quán tự hiển bày Trí thuộc tướng Đạo của Bồ-tát, sau là một Quán hưởng lên trên giống với Nhất thiết chủng trí của chư Phật.

Kinh Niết Bàn nói: “Mười hai nhân duyên, quán sát thuộc Trí bậc Hạ đạt được Bồ-đề của Thanh văn, quán sát thuộc Trí bậc Trung đạt được Bồ-đề của Duyên giác, quán sát thuộc Trí bậc Thượng đạt được Bồ-đề của Bồ-tát, quán sát thuộc Trí bậc Thượng Thượng đạt được Bồ-đề của Phật.” Hai loại Bồ-đề trước tức là ý của Quán thứ nhất (1), hai loại còn lại đều một Quán, có thể biết.

Trước là ba Quán dựa theo vì chúng sinh đều gọi là Bi quán, nay là ba Quán dựa theo tâm quán sát đều gọi là Trí quán, thì biết rằng ba câu đều có Bi-Trí dẫn dắt nhau, ba Quán này dung thông chỉ thuộc về một tâm, Bát-nhã rất sâu xa ngay sau đó mà hiện rõ.

Nhưng luận về ba Quán, tuy tất cả giải thích về Kinh mà cùng với mười môn tách ra-hợp lại không giống nhau.

1- Quán về Nhất thiết trí thâm nhiếp mười môn trong Kinh, toàn bộ làm ba đoạn: Một- Thành tựu giải đáp về tướng sai biệt, đây là thâm nhiếp môn thứ nhất trong mười môn; Hai- Đề nhất nghĩa sai biệt, thâm nhiếp một nửa trong môn thứ hai của Kinh; Ba- Tên gọi Thế đế sai biệt, thâm nhiếp tám môn rưỡi còn lại. Sở dĩ phân làm ba, bởi vì một Quán đầu hiển bày về Vọng Ngã không phải là có, hai Quán sau hiển bày về Chân-Tục không phải là không có, Chân phân rõ về duyên sinh, Tục trình bày về tướng của duyên, nghĩa lý đầy đủ tất cả.

2- Quán về Đại Bi tùy thuận, phân mười làm bốn: Một- Quán về chúng sinh ngu si điên đảo, thâm nhiếp môn thứ nhất trong mười môn; Hai- Cầu giải thoát ở nơi khác, thâm nhiếp môn thứ hai; Ba- Cầu giải thoát theo ngoại đạo, thâm nhiếp bốn môn tiếp; Bốn- Cầu giải thoát lạ lùng, thâm nhiếp bốn môn sau. Bốn Quán này, một Quán đầu dựa vào Tình để làm rõ về lỗi lầm, ba Quán sau dựa vào Pháp để phân rõ về sai trái. Trong đó: Quán hai là đã dựa vào Lý sai trái đối với Chánh Lý ấy, gọi là đã giữ lấy Ngã dùng làm nơi khác; Quán ba là đã dựa vào pháp hành sai trái, nêu ra pháp sai trái ấy để trình bày về lỗi lầm của hành ấy; Quán bốn là trình bày về quả đã mong cầu sai trái, bởi vì dùng khổ mà mong muốn rời bỏ khổ.

3- Quán về Trí thuộc tất cả các tướng, thâm nhiếp mười làm chín: Một- Quán về nhiễm-tịnh, thâm nhiếp nửa đầu của môn thứ nhất. Hai- Quán về nương tựa, thâm nhiếp nửa sau của môn thứ nhất và môn thứ hai. Ba- Quán về phương tiện. Bốn- Quán về tướng của nhân duyên.

Năm- Quán về tiến vào Đế. Sáu- Quán về có lực-không có lực, tin tưởng tiến vào nương tựa. Bảy- Quán về tăng thượng mạn-không phải tăng thượng mạn, tin tưởng tiến vào. Năm Quán trên như thứ tự đều thâm nhiếp một môn. Tám- Quán về vô thí, thâm nhiếp hai môn thứ tám-thứ chín. Chín- Quán về đủ loại, thâm nhiếp môn thứ mười. Giải thích về tướng sai biệt, đến văn sẽ biết.

Nhưng ba Quán này đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha, nếu phân biệt tùy theo tướng thì quán sát về tướng của Đế tức là Tự lợi, quán sát về Đại Bi là trình bày về Lợi tha, quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng là bao gồm Tự lợi-Lợi tha. Trong đó, phân biệt lại đều không giống nhau, năm quán trước là Tự lợi, hai quán tiếp là Lợi tha, hai quán sau là Tự lợi-Lợi tha thành thực.

Trong năm quán trước: Hai quán đầu bao gồm nhiếp-tĩnh, một là nêu ra tướng của nhiếp-tĩnh, hai là nêu ra chỗ dựa của nhiếp-tĩnh. Ba quán sau chỉ là quán sát về nhiếp, trong đó: Hai quán trước là kiến lập về pháp nhiếp, một là nhân của pháp nhiếp, hai là duyên của pháp nhiếp. Một quán sau là dựa vào nhiếp để quán sát về lỗi lầm.

Trong hai quán tiếp là Lợi tha: Một quán đầu là giáo hóa phàm phu, một quán sau là giáo hóa Tiểu thừa.

Trong hai quán sau là Tự lợi-Lợi tha thành thực: Đầu là quán về Chân đế, thấy rõ pháp duyên với Tập không có tánh ban đầu, cho nên gọi là vô thí; sau là quán về Tục đế, chỉ thuận theo duyên chuyển đổi, cho nên nói là chủng chủng.

Đã biết về đại ý, tiếp là chính thức giải thích văn. Dựa vào mười đoạn trong Kinh, mà đều giải thích theo thứ tự ba Quán của Luận, lại không có Lý nào khác.

Mười đoạn của Kinh: Trước là năm đoạn có chữ Phật Tử, tiếp là ba đoạn có chữ Phục Dĩ, sau là hai đoạn có chữ Hữu dùng để lựa chọn phân biệt, nhưng phần giữa trong môn thứ nhất có một chữ Phật Tử.

Môn thứ nhất: Chi Hữu nối tiếp nhau: Một là dựa vào quán sát về tướng sai biệt của Đế, trong ba đoạn là ba chữ Thành-Đáp-Tướng, tức là phân làm ba mục: Một- Từ đầu đến “Tắc vô sinh xứ...” là phân rõ xác định về Vô ngã, tức là Luận trình bày về Thành, nghĩa là cùng nêu ra hiểu rõ về phiền não mà giải thích thành tựu về Vô ngã, thì biết duyên tích tập chỉ là Vọng Ngã. Hai- Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là điên đảo mê hoặc mà khởi duyên, tức là Luận trình bày về Đáp, nghĩa là đối với chất vấn mà giải thích thông suốt về nghĩa Vô ngã. Ba- Từ chữ Phật Tử sau là mê Chân-khởi Vọng, duyên với tướng theo thứ tự,

tức là Luận trình bày về Tướng.

Ba mục này, nếu hướng về mười môn, thì đều hiển bày về Vọng Ngã không phải là có, ba Tự tướng hướng về hợp lại làm hai: Hai mục trước hiển bày về nhân duyên phát khởi, trình bày về duyên Vô ngã; một mục sau là khởi duyên theo thứ tự, trình bày về tướng có của duyên. Kinh dựa vào nghĩa này, ở phần giữa thêm vào một chữ Phật tử, đều có nhiệm-tịnh.

Mục một- Thành là đã quán sát về duyên khởi, trước phải giải thích thành tựu về Vô ngã, phân rõ về Tông chỉ đã xác định, một mà xuyên suốt tất cả, thì hiển bày mười môn đều thành tựu về Vô ngã, đây là chính thức phá bỏ tập khí của chấp Ngã.

Trong văn có hai câu: 1- Nói thọ sinh ở thế gian đều do chấp trước về Ngã, tức là trái lại nêu ra tình thức mê hoặc, trình bày về Ngã là phi lý, bởi vì chỉ là Khổ-Tập. 2- Nếu lìa bỏ chấp trước này thì không có nơi sinh ra, tức là thuận theo nêu ra tâm hiểu biết, trình bày về Lý là phi ngã, bởi vì là Diệt-Đạo. Đây là thẳng thắn thuận theo văn kinh, đã thành tựu về nghĩa của Vô ngã. Luận về Kinh nói: Sinh vào nơi thọ thân, bởi vì tập khí của chấp Ngã, chỉ khiến cho Tự-Tha sai biệt. Luận nói: Tất cả sinh tử sai biệt trong năm đường, nếu năm đường sai biệt thì do nghiệp của mình dẫn đến mà thôi.

Vả lại, Luận chủ trái lại đưa ra tình thức mê hoặc để hiển bày thành tựu về Vô ngã:

Đầu là đưa ra chấp trước về Ngã, trình bày về lỗi lầm của phàm phu thuận theo giống như Thánh, nói là: Nếu tướng Ngã thật sự có trong Đệ nhất nghĩa, thì đây là dựa vào tâm xác định đã chấp trước về Ngã, tức là Trí thuộc Đệ nhất nghĩa. Đây là trái lại theo chiều dọc mà thiết lập, nghĩa là bởi vì nhận biết xứng với Thật ngã, cho nên tiếp nói không thuận theo sinh vào nơi thọ thân của thế gian, là dùng Lý để chính thức đưa ra, nghĩa là nếu Ngã là Lý của Diệt-tâm chấp trước là Đạo, thì phàm phu thuận theo đạt được Niết-bàn giống như Thánh, vì sao chấp trước về Ngã mà thọ sinh ở thế gian? Trong này thuận theo lỗi lầm để thiết lập rằng: Nếu thật sự có Ngã trong Đệ nhất nghĩa, thì phàm phu thuận theo giống như Thánh để thiết lập Tông chỉ, bởi vì có Trí có thể chứng được Thật ngã trong Đệ nhất nghĩa, là đưa ra nhân; như các Thánh nhân không còn Sinh là Dụ về giống nhau, vậy thì phàm phu thuận theo giống như Thánh. Phàm phu đã giống như Thánh thì không có phàm phu, lại thành ra một lỗi lầm.

Tiếp là trái lại đưa ra câu sau, trình bày về lỗi lầm của Thánh

thuận theo phàm phu, nói là: Vả lại, nếu tướng Ngã thật sự có trong Đệ nhất nghĩa, thì nếu lìa bỏ chấp trước về Ngã thuận theo thường sinh ở thế gian, bởi vì không xứng với Thật thì giống như vọng chấp, cho nên không phải là Trí thuộc Đệ nhất nghĩa. Trong này thuận theo lỗi lầm để thiết lập rằng: Bởi vì Lý thật sự có Ngã, Thánh thuận theo giống như phàm phu làm Tông chỉ. Tiếp là Thánh chứng được Vô ngã, bởi vì điên đảo mê hoặc trái với Lý, cho nên không phải là Trí của Thánh, là đưa ra nhân; như các phàm phu là Dụ về giống nhau, vậy thì kết luận thành tự về lỗi lầm của Thánh thuận theo giống như phàm phu. Thánh đã giống như phàm phu thì không có Thánh nhân, lại là một lỗi lầm.

Vì vậy Kinh nói nếu lìa bỏ chấp trước này thì không có nơi sinh, là trái lại hiển bày về vọng tình nhất định là lỗi lầm. Hai lỗi lầm đã thành tự, thì Lý về Vô ngã rõ ràng có thể thấy.

Mục hai- Diên đảo mê hoặc mà khởi duyên, tức là Luận trình bày về Đáp. Bởi vì giải đáp chất vấn làm cho ngoại đạo hàng phục, hai chất vấn-hai giải đáp: 1- Chất vấn về chấp Tình đưa ra Lý, giải đáp là Tình trái với Chánh Lý; 2- Từ “Thường cầu...” trở xuống là chất vấn về chấp Tướng đưa ra Thật, giải đáp là Tướng không dựa vào Ngã.

Chất vấn thứ nhất: Nếu thật sự Vô ngã thì vì sao chấp trước về Ngã? Như giữa bầu trời không có người, lẽ nào cho là có người? Đã chấp trước về Ngã, mà không chấp trước Vô ngã, rõ ràng biết là có Ngã. Giải đáp rằng: Bởi vì không có Trí cho nên ở nơi Vô ngã chấp trước về Ngã, không phải là bởi vì có Ngã, như mắt bị bệnh thấy hoa đốm giữa hư không, lẽ nào có hoa đốm giữa hư không hay sao?

Chất vấn thứ hai: Nếu thật sự Vô ngã, vì sao tham trước đối với Ngã, thọ sinh ở thế gian, làm duyên theo thứ tự, rõ ràng biết là có Ngã, mới có thể làm duyên theo thứ tự mà sinh khởi? Giải đáp rằng: Chính là bởi vì Vô ngã mà chấp làm Ngã, Si-Ái làm căn bản, điên đảo mê hoặc tạo nghiệp cho đến Lão tử, đâu cần đến Ngã?

Ý giải đáp chính là như vậy. Dựa vào văn phân ba: 1- Trình bày về diên đảo mê hoặc thuận theo khởi lên duyên nhiễm; 2- Từ “Thử nhân duyên cố...” trở xuống là Chánh Trí quán sát ngược lại, kết luận giải đáp về Vô ngã; 3- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là dựa vào con người kết luận về quán sát.

Mục 1- Như vậy mười hai Chi tức là mười hai tiết riêng biệt, cũng không có gián đoạn, nhưng mà trong các Luận phần nhiều thâm nhiếp làm bốn: Một- Chi chủ động dẫn dắt (Năng dẫn), là bởi vì Vô minh-Hành chủ động dẫn dắt năm chi như Thức... thuộc về chủng tử của quả;

Hai- Chi thụ động dẫn dắt (Sở dẫn), là bởi vì năm chi như Thức... là do hai Chi trước mà dẫn dắt phát khởi; Ba- Chi chủ động sinh ra (Năng sinh), là bởi vì Ái-Thủ-Hữu tiếp cận sinh ra Sinh-Lão tử của vị lai; Bốn- Chi thụ động sinh ra (Sở sinh), là bởi vì Sinh-Lão tử là do Ái-Thủ-Hữu tiếp cận mà sinh ra.

Đây là dựa theo một lớp nhân quả thuộc hai đời, trình bày về sinh ra và dẫn dắt riêng biệt. Nếu dựa vào hai lớp nhân quả thuộc ba đời, thì sinh ra và dẫn dắt nối thông với nhau. Nay kinh đều đầy đủ. Lại dựa vào mười hai tiết phân làm năm tiết:

Tiết một- Từ đầu đến “Hữu vô” là phân rõ về chi Vô minh, không có Trí là Si, thường mong cầu về có-không có tức là Hữu Ái. Nhưng dựa vào ba đời, các phiền não lậu tận trước đây gọi chung là Vô minh, sơ lược nêu ra phát khởi tươi thắm, bởi vì chi Hữu là căn bản. Nếu dựa theo hai đời, thì tuy các phiền não đều có thể phát khởi tươi thắm, mà lực của Vô minh tăng lên ở phần vị phát khởi về nghiệp, cho nên gọi là Vô minh. Chỉ đích thực chọn lấy chủ động phát khởi cảm đến nghiệp thiện-ác của đời sau, lấy làm Thể của Vô minh. Mong mỏi về Thường là có, bởi vì mong muốn thường còn đối với sự việc có vui thích; mong cầu về Đoạn là không có, bởi vì mong muốn đoạn diệt đối với sự việc có đau khổ.

Tiết hai- Từ “Bất chánh tư duy...” đến “Tăng trưởng...” là trình bày về chi Hành, vẫn có bảy câu: Ba câu đầu là lỗi của Hành, ba câu tiếp là Thể của Hành, một câu sau là kết luận thành tựu.

Trong ba câu đầu: Câu 1 nói tư duy không chính đáng, là Hành đi cùng Vô minh. Kinh Niết Bàn nói đây là nhân của Vô minh, cũng là Vô minh thâm nhiếp, tiếp theo trước phát khởi sau cho nên nhân quả nêu ra lẫn nhau. Câu 2 là dựa vào con người để làm rõ về lỗi lầm, nghĩa là khởi lên Hành hư vọng thì nhất định là phạm phu, Vô minh làm nhân, mong cầu quả báo mà tạo nghiệp, vì vậy ở Địa thứ nhất nói: Tất cả những nghiệp đã làm đều tương ứng với diên đảo. Trái lại nêu ra Thắng nghĩa của Bồ-tát, nghĩa là Bồ-tát tuy khởi lên Hành thiện thực hành đối với quả báo, mà lấy Minh làm nhân, thành tựu không mong cầu quả báo, không gọi là Hành hư vọng. Câu 3 là dựa vào pháp để làm rõ về lỗi lầm, Luận nói: Nêu ra ở nơi giải thoát mà Hành không chính đáng, nếu Hành theo con đường Niết-bàn thì mới là Chánh đạo.

Ba câu tiếp là phân rõ về Thể tướng của Hành, bởi vì ba nghiệp tương ứng với tư duy mà tạo ra ba Hành, nghĩa là do mê lầm ngu về Di thực, trái với Tín-Giải đúng đắn mà khởi lên, cảm đến nghiệp ác của

ba đường dữ và nghiệp khổ thuộc Báo riêng biệt của trời người, đều gọi là Hành tội lỗi. Nhưng riêng biệt chắc chắn bao gồm tổng quát, bởi vì chỉ cảm đến Báo riêng biệt không phải là chi Hành, do mê lầm ngu về nghĩa chân thật, không biết ba cõi đều là khổ đau, vọng cho là vui sướng mà khởi lên. Nghiệp thiện của cõi Dục gọi là Hành phước, nghiệp thiện của tám Thiên gọi là Hành bất động.

Một câu sau là kết luận thành tựu về chi Hành, nghĩa là gây ra rồi không có hối hận, mà tích tập tăng trưởng, cho nên có chuyển đời.

Tiết ba- Từ “U chữ hành...” trở xuống là trình bày về chi Thức, nghĩa là Hành đã phát khởi rồi, do Hành huân tập trong tâm, khiến cho Bốn thức này có thể dẫn đến Sinh-Lão tử của vị lai, gọi đó là chủng tử. Nếu không có Hành huân tập thì cuối cùng không thành tựu chủng tử, cho nên nói là gieo trồng ở trong các Hành, chữ Tâm Chủng tức là thụ động dẫn dắt năm chủng tử như Thức..., vì Hành làm cho tích tập trong một sát-na, không có trước-sau. Dựa theo làm Dị thực cho chủng tử của sáu căn, gọi là chi Lục nhập; làm Dị thực cho chủng tử của Xúc-Thọ, gọi là chi Xúc-Thọ. Trừ ra chủng tử của Bốn thức làm Thể của chi Thức, và ba chủng tử này, các Dị thực còn lại thuộc chủng tử của Uẩn, đều là chi Danh sắc, cho nên không có trước-sau.

Phần vị của nhân khó nhận biết, chỉ dựa vào phần vị đang khởi lên mà nói năm loại có khác nhau. Năm loại không lìa xa tâm, chỉ gọi là chủng tử của tâm. Lại ẩn kín bốn loại còn lại, bởi vì dựa vào hiện hành mà nói.

Nhưng trong luận Duy Thức, chỉ dùng chủng tử như Thức làm thụ động dẫn dắt, mà trong luận Tạp Tập nói chi Thức này bao gồm chủ động dẫn dắt, đích thực chọn lấy chủng tử của nghiệp làm chi Thức, bởi vì chủng tử của Thức chính là chi Danh sắc thân nhiếp.

Kinh Duyên Khởi nói bao gồm chủ động dẫn dắt-thụ động dẫn dắt, bởi vì chủng tử của nghiệp-chủng tử của Thức đều gọi là Thức, chủng tử của Thức chỉ là chỗ dựa của Danh sắc, không phải là Danh sắc, cho nên không giống như luận Tạp Tập.

Nay ý Kinh giống với kinh Duyên Khởi đã nói, bởi vì bao gồm chọn lấy cả hai, cho nên cùng nêu ra Hành-Thức.

Luận nói: Trong này chủng tử của tâm khởi lên, là nêu ra Thể tánh của Sinh-Lão tử, nghĩa là hai quả của vị lai, bởi vì chủng tử của Thức này làm nhân gần.

Tiếp là Hữu thủ thuộc về hữu lậu là thành tựu về nghĩa của chủng tử trước đây, nghĩa là Hành và Thức... gọi là chủng tử, đều bao gồm vô

lậu. Nay tương ứng với ba lậu cho nên gọi là chi Hữu, như trong Địa thứ nhất bởi vì bốn Lưu như Dục... mà khởi lên chủng tử của tâm, hữu lậu là Ái, Hữu thủ là Thủ, Ái-Thủ tưới thấm mà có thể dẫn đến quả báo đời sau.

Tiết bốn- Từ “Phục khởi...” trở xuống là phân rõ về chi Danh sắc: Hai câu đầu, văn hàm chứa hai ý: 1- Thành tựu về nghĩa của chủng tử trước đây, bởi vì khởi tâm sinh tử cho nên mang lấy tên gọi chủng tử; 2- Tổng quát nêu lên nghĩa sau, bởi vì tên gọi hiện hành... đều là Sinh-Lão tử, tức là giống với Địa thứ nhất, ở trong ruộng của ba cõi lại sinh ra mầm đau khổ.

Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt cũng có hai ý: 1- Tổng quát dựa theo mười hai Chi, từ đây đến sinh ra mầm của Danh sắc, là Thức sinh ra Danh sắc; 2- Vì hiển bày về mười nhân trước đây đã đầy đủ, là phân rõ về chi Hữu sinh ra Sinh-Tử, Danh sắc ở đầu tiên theo thứ tự phân rõ mà thôi, nghĩa là năm chủng tử như tâm... trước đây, do Hữu lậu-Hữu thủ-Ái thủ tưới thấm, cho nên lại khởi lên quả báo của đời sau, là nêu lên chi Hữu sinh ra hai quả. Nay riêng biệt hiển bày về tướng của chi Hữu.

Luận Duy Thức nói: “Ái-Thủ hợp lại tưới thấm chủ động dẫn dắt chủng tử của nghiệp và nhân của thụ động dẫn dắt, chuyển đổi gọi là Hữu, bởi vì đều có thể gắn với Hữu thuộc về quả của thân đời sau.”

Luận Du Già quyển thứ 10, chỉ nói chủng tử của nghiệp gọi là Hữu, bởi vì Hữu này đích thực cảm đến quả Dị thực, nói như đoạn sau.

Trong quyển thứ 38 lại nói: “Chỉ năm chủng tử như Thức... gọi là Hữu, là bởi vì tự mình sinh ra năm chủng tử như Thức... của vị lai.”

Thật sự thì tổng quát có tám Chi cùng thiết lập tên gọi là Hữu, chỉ trừ ra Vô minh bao gồm Hữu thành ra chín Chi. Nay Kinh lại thêm vào Vô minh, thì bao gồm mười nhân trước đây, cùng dẫn đến hai quả. Nếu dùng mười hai Chi là hai quả của đời trước, thì trong một đời có đủ mười hai Chi. Lại dựa theo chi Hữu, văn có sáu duyên:

1- Nghiệp làm ruộng, tức là chủng tử của Hành hưởng về quả thụ động sinh ra, bởi vì chỉ làm Tăng thượng duyên.

2- Thức làm hạt giống, tức là năm chủng tử như Thức..., bởi vì làm nhân gắn cho sinh tử của đời sau, như dựa vào ruộng tốt xấu mà gieo hạt giống ở thế gian, nhưng đậu-mạch ấy mọc lên tùy theo chủng loại của mình. Luận tổng quát giải thích rằng: Tùy thuận nghiệp làm đất mà thân nhiếp giữ lấy các Hành thuộc về tội-phước... Đây chính là trình bày về tùy thuận, đối với Ái thân nhiếp chủng tử của Hành-Thức trước đây

mà thành tựu chi Hữu.

3- Vô minh che phủ tối tăm, bởi vì Luận chủ chọn lấy Vô minh trong Kinh trước đây, cho nên nói là trước đây nói. Tối tăm chướng ngại không có Trí, bởi vì Vô minh che phủ. Đây là dựa vào xa để giúp đỡ mà quay về cùng có thể phát khởi, cũng là nêu ra đời trước mà ví dụ cho đời này. Dựa theo ý của luận Duy Thức không phải là Vô minh phát ra nghiệp trước đây, tức là Vô minh che phủ nghiệp; cũng là Ái thâm nhiếp, tức là mê mờ ngu về quả Tăng thượng bên ngoài. Lại các phiền não đều có thể tưới thấm, bởi vì dựa theo mười nhân mà cùng một đời.

4- Nước Ái làm cho thấm ướt, Luận chủ dựa vào Ái thường mong cầu về có-không có trước đây, tức là nêu ra ví dụ, cũng tức là Hữu lậu trong phần nêu lên trước đây, bởi vì Vô minh-Hữu ái trước đây thâm nhiếp.

5- Ngã mạn là nước tưới, tức là chi Thủ. Nước tưới phải thường xuyên mới sinh ra mầm Hữu, bởi vì Thủ như Ngã ngữ... là Ngã mạn, nếu tỏ ngộ Vô ngã thì có lẽ không sinh ra.

6- Mạng lưới Kiến chấp tăng trưởng, cũng là chi Thủ, do Kiến thủ thâm nhiếp, bởi vì Ngã kiến là gốc sinh ra các Kiến, khiến cho pháp vô lậu không thể nào hủy hoại, cho nên gọi đó là mạng lưới.

Luận tổng quát giải thích rằng: Tâm trú như vậy-sinh như vậy, là tổng quát hiển bày về mầm của Danh sắc sinh ra, bởi vì Vô minh-Ái, khiến cho chủng tử của Thức trước đây an trú trong đất của nghiệp, cho nên sinh ra tâm Danh sắc.

Tiếp đến lại giải thích về Ngã mạn. Kinh ấy nói Ngã Tâm là nước tưới. Luận nói: Ngã là Ngã sở-Ngã về Ngã tướng là Mạn, nói Ngã là Ngã sở là giải thích về chữ Ngã, bởi vì không những chấp Ngã, mà cũng chấp về nghiệp-hành, là pháp đã tu của Ngã.

Tiếp đến Ngã về Ngã tướng là Mạn, là giải thích về chữ Tâm ấy, Tâm tức là nghĩa về Tướng, dựa vào Ngã dấy khởi Ngã tướng, bởi vì lần nhiếp người khác cho nên gọi đó là Mạn, đích thực giống với Kinh này.

Tiếp đến giải thích về mạng lưới Kiến chấp rằng: Ngã sinh-không sinh, sinh tức là Thường, không sinh là Đoạn, bởi vì Đoạn-Thường là gốc đầy đủ sáu mươi hai Kiến chấp.

Câu sau cuối nói: Các Kiến chấp đủ loại như vậy. Như trong Địa thứ nhất nói: Bắt đầu từ Vô minh cuối cùng đến chi Thức, đều gọi là Tà kiến.

Nhưng các vị như Viễn Công đều nói Ngã-Ngã sở, là lúc thọ sinh

tự thấy thân mình gọi đó là Ngã, thấy tinh huyết của cha mẹ gọi là Ngã sở, lại nói cha mẹ là vợ chồng của mình, đang lúc thọ sinh tranh lấy Sắc với cha mẹ, nói mình tranh được liền khởi lên Tưởng về thắng cuộc, cho nên gọi là Mạn. Ngã sinh, là Ngã chỉ sinh ở nơi này, không sinh ở nơi khác. Đây là điều bao gồm chọn lấy Ái mong cầu về Sinh của Trung hữu, đối với Lý không có gì sai.

Nhưng các câu trên đây đều trình bày về chủ động Sinh mà sinh ra mầm của Danh sắc, tức là năm quả thuộc Báo vị lai (Đương báo) thụ động sinh ra, đầu là Kiết sinh Uẩn tức là chi Thức. Nay bởi vì trước đây phân rõ về chủng tử của Thức chủng, bốn loại còn lại ẩn kín.

Nay phân rõ về hiện hành, lược bớt chỗ dựa của Báo tổng quát ấy, bởi vì muốn hiển bày về nghĩa của Thức và Danh sắc sinh ra lẫn nhau theo thứ tự. Lại bởi vì muốn hiển bày bao gồm chủng tử-hiện hành ấy, cho nên có ẩn-hiện.

Nhưng Danh sắc... nhất định phải có Bản thức làm chỗ dựa, cho nên ở Địa thứ nhất nói: Ở ruộng của ba cõi lại sinh ra mầm khổ đau, đó gọi là Danh sắc cùng sinh. Luận nói bởi vì sinh ra cùng với thức A-lại-da, tức là văn sau này nói: Cùng sinh ra với Thức.

Tiết năm- Từ “Danh sắc tăng...” trở xuống là phân rõ về tám Chi như Lục nhập..., như đoạn sau trình bày. Nhưng ý của một đoạn này, muốn giải đáp về nguyên cơ của thọ sinh, cho nên nêu ra đầy đủ các phiền não ẩn-hiện... khác nhau không thuộc về tướng hiển bày, mà tướng hiển bày thuộc về đoạn sau.

Mục 2, là dựa theo quán sát ngược lại, kết luận giải đáp về Vô ngã: Hai câu đầu dựa theo Sinh trình bày về Vô ngã, chỉ do Vô minh... tích tập chứ không phải là do Ngã tích tập, vả lại câu trước chọn ra không có nhân, câu sau chọn ra nhân tà vạy. Hai câu sau dựa theo Diệt trình bày về Vô ngã, tánh sát-na diệt đi không còn mà khiến cho như vậy.

Mục 3, là dựa vào con người kết luận về quán sát: Quán sát như vậy, tức là tùy thuận với Lý của duyên khởi.

Mục ba- Mê lầm về Chân mà khởi lên Vọng, duyên với tướng theo thứ tự, tức là luận về tướng sai biệt. Luận nói: Nếu nhân duyên Vô ngã thì dùng tướng nào trú vào nhân duyên tích tập về Hành? Nghĩa là ngay tướng ấy gọi là Trú, về sau sinh ra là Hành. Ý kinh nói rằng: Mê lầm về Lý của các Đế, khởi lên tướng tích tập mà thôi.

Nhưng ba mục về Thành-Đáp-Tướng trước đây, tất cả đều là chi Hữu nối tiếp nhau, mà hai lớp duyên với tướng vì sao sai biệt? Tóm lược

có năm sai khác:

1- Trước là dựa theo Vọng ngã mà khởi duyên, tức là mê lầm về chấp Ngã chấp; ở đây dựa theo mê lầm về Đế mà khởi duyên, tức là mê lầm về nghĩa chân thật.

2- Trước là dựa theo duyên khởi, ở đây dựa theo duyên thứ tự. Trước là bao gồm chọn lấy mười nhân, một xứ cùng khởi lên Danh sắc; trong này luôn luôn chỉ nói theo thứ tự.

3- Trước là bao gồm ba đời-hai đời, bởi vì thừa nhận mười nhân cùng chung một đời, cho nên nghĩa chọn lấy cũng bao gồm năm đời; ở đây chỉ là ba đời, bởi vì Danh sắc... chỉ dựa theo hiện tại, cho nên nghĩa chọn lấy cũng bao gồm một đời.

4- Văn trước muốn trình bày về ba đời cùng đầy đủ, ở trong Vô minh mà nói về Hữu ái, ở trong hiện tại mà nói về Vô minh; trong này ba đời có ẩn-hiện lẫn nhau, không thừa nhận về tướng nối thông.

5- Trước là giải đáp chất vấn, đây là phân rõ về tướng.

Như ý của Luận, cho nên có năm sai khác này. Hai nơi phân rõ về duyên, cùng trình bày về nối tiếp nhau, bởi vì toàn bộ phá trừ ngu si điên đảo, cho nên chỉ gộp lại làm một trong mười môn. Trong văn cũng có hai: Đầu là thuận; sau là nghịch.

Trong quán thuận:

Một- Chi Vô minh, nói là không hiểu rõ đối với Đế nhất nghĩa, nhưng mười hai Chi đều dựa vào Chân mà khởi lên, bởi vì không có tự tánh, kệ sau nói: Quán sát Thật nghĩa của các nhân duyên vốn là Không. Nhưng đầu tiên là Vô minh gần gũi mê mờ về Lý của Đế mà khởi Hành. Đã ngang ngược từ Không mà khởi lên, không thể trở lại nguồn gốc, khiến cho Vô minh chỉ nhận lấy tên gọi mê mờ.

Luận về Kinh nói: Đế nhất nghĩa về các Đế, tức là bốn Đế.

Vì vậy luận Đối Pháp nói: Ngu về nghĩa chân thật, nghĩa là mê lầm về bốn Thánh đế, thụ động mê lầm tức là Thật nghĩa, chủ động mê lầm tức là Ngu, có riêng pháp tối tăm gọi là Vô minh, không những ngăn chặn giải thích (Già thuyên) trình bày về không có mà thôi.

Hai- Quả của nghiệp đã gây ra gọi là Hành, là chi Hành. Nghiệp tức là ba nghiệp như tội lỗi..., là quả do Vô minh ấy mà khởi lên, vì vậy kệ nói: Nghiệp của Tư đã gây ra quả ngu si. Nhưng mà Luận nói: Vô minh trong này đã gây ra quả của nghiệp, đó gọi là Danh sắc. Đây là nêu ra Thể của quả, Thể nghĩa là Thể của Hành mà tức là Danh sắc.

Thích Luận của Viên Công nói: “Hành có ba nghiệp, Ý nghiệp là Danh, Thân-khẩu nghiệp là Sắc.”

Luận Tỳ-bà-sa nói: “Danh sắc có hai: 1- Danh sắc thuộc về phương tiện; 2- Danh sắc thuộc về Báo. Nếu nói Danh sắc duyên Thức, thì chính là Danh sắc thuộc về phương tiện; nếu nói Thức duyên Danh sắc, thì chính là Danh sắc thuộc về Báo.” Nay dùng Hành làm Danh sắc thuộc về phương tiện.

Ba- Từ “Hành y chỉ...” trở xuống là chi Thức. Luận nói: Trong đó, Thức là bởi vì nương tựa nơi ấy, nơi ấy tức là Hành. Trong này nói ngược lại, nên nói là bởi vì dựa vào nơi ấy. Luận về Kinh nói: Dựa vào Hành có Thức là tâm ban đầu, nghĩa là do Hành huân tập vào tâm mà có chủng tử của quả ấy, cho đến hiện hành.

Luận Du Già nói: “Nhờ vào Thức làm duyên nối tiếp nhau đến Thức của quả, trước sau theo thứ tự.”

Bốn- Từ “Dữ Thức...” trở xuống là chi Danh sắc. Một chữ Thức ở đầu tức là chi Thức hiện hành, Thức làm chủng tử bên cạnh chỉ là A-lại-da, bao gồm sáu Thức ở phần vị hiện hành. Nay chọn ra hiện hành chứ không phải là chủng tử, cho nên nói là cùng sinh bốn Uẩn, bởi vì Thức uẩn đã thuộc về Thức làm chỗ dựa. Nếu nói bốn Uẩn gọi là Danh, Yết-la-lam... là Sắc, thì Thức hiện hành làm chỗ dựa, cũng chỉ là A-lại-da.

Luận Du Già nói: “Cùng có Căn dựa vào gọi là Sắc..., Căn dựa vào không gián đoạn gọi là Danh, thì bao gồm năm Uẩn làm Thể, tức là hai mươi tám ngày thuộc về phần vị Căn chưa đầy đủ.” Luận nói: Bởi vì Danh sắc và Thức cùng sinh ra, đây là nói chọn bỏ lạm dụng, sợ rằng người ta hiểu lầm mà nói là Danh cùng Sắc sinh ra. Lại nói: Bởi vì Thức-Danh sắc theo thứ tự dựa vào nhau, là giải thích về nghĩa Cùng trước đây, nghĩa là Thức dựa vào Danh sắc mà có thể khởi lên, Danh sắc dựa vào Thức mà có thể tồn tại, như nước và bụi đất dựa vào duy trì lẫn nhau để làm hòn đất, cũng như bó lau, cho đến mạng chung dựa vào nhau mà chuyển. Văn giải đáp trên đây tổng quát gọi là quả của Khổ, là mầm của Danh sắc.

Năm- Chi Lục nhập, nghĩa là sau hai mươi tám ngày, các căn ở phần vị đầy đủ, sáu Xứ rõ ràng mạnh mẽ, Danh tăng lên thành tự Ý xứ, Sắc tăng lên thành tự năm Xứ còn lại.

Luận Câu Xá nói: “Từ ba hòa hợp thuộc sáu Xứ trước đây sinh ra Căn như Nhãn...” Đoạn trước là trình bày về Bốn hữu thuộc Ý căn, nói là thành tự năm Căn mà thôi.

Luận Câu Xá quyển thứ 11 nói: “Trong năm quả, ba quả trước là trong thai, hai quả còn lại là ngoài thai.”

Sáu- Chi Xúc, Xúc nghĩa là xúc chạm đối đãi, tuy có ba hòa hợp,

mà đối với nhân của ba Thọ hỷ còn chưa nhận biết rõ ràng, chỉ có thể xúc chạm đối đãi.

Bảy- Chi Thọ, phân biệt ba Thọ, lãnh nạp đối với Xúc, gọi là Xúc cùng sinh ra. Bốn Chi trước đây, chỉ dựa theo hiện hành.

Tám- Chi Ái, bởi vì trong ba Thọ thì Lạc thọ triển miên mong cầu, cho nên nói là nhiễm trước, tức là Tham thuộc Trung phẩm-Hạ phẩm. Chi này tuy bao gồm duyên với hai quả trong-ngoài, mà phần nhiều các Luận chọn lấy duyên với cảnh bên ngoài mà sinh quả Tăng thượng của Ái.

Chín- Chi Thủ, tuy thâm nhiếp phiền não còn lại, mà Ái tươi thắm hơn hẳn, cho nên nói là Ái tăng lên. Nhưng hai Chi trên đây bao gồm hiện hành và chủng tử.

Mười- Chi Hữu, do bốn Thủ trong tâm mà khởi lên các nghiệp, cho nên gọi là hữu lậu. Nghiệp này tự mình có thể dẫn đến quả ở vị lai, cho nên gọi đó là Hữu. Đây là dựa theo ba đời, không giống như Ái-Thủ hợp lại tươi thắm nghiệp... ở đoạn trước gọi là Hữu, bởi vì nghiệp trước đây đã cách xa Danh sắc hiện hành...

Mười một- Chi Sinh, dựa theo duyên tăng thượng nói là thuận theo nghiệp khởi lên, bắt đầu từ Trung hữu chưa suy yếu biến đổi đến nay, đều gọi là Sinh.

Mười hai- Chi Lão tử, tức là các phần vị suy yếu biến đổi gọi là Uẩn chín muồi. Thể của hai Chi trên đây bao gồm năm Uẩn, chỉ là hiện hành muốn khiến cho sinh lòng chán ngán, hợp năm làm thành hai để hiển bày về ba Khổ. Lão không phải là nhất định có, dựa vào Tử mà thiết lập về Chi. Tách biệt làm năm Chi, ở thời gian khác tuy là Hữu mà thời gian Tử nhiều hơn, cho nên chỉ dựa vào Tử mà nói. Nhưng một đoạn về chi Hữu này, cũng trước-sau nối thông với một chi Sinh, kiến lập Chi khác có thể biết. Chỉ một chủng tử của chi Sinh nối thông, chọn lấy trước đây mà thôi, suy nghĩ điều này!

Trong quán nghịch: Toàn bộ kết luận là cây khổ, nghĩa là Vô minh-Hành dẫn dắt Thức đến Thọ làm mầm khổ, Ái duyên vào dẫn dắt Thọ đến Hữu là nuôi giữ, Sinh-Lão tử làm cây khổ, thuận theo mầm nuôi giữ là nghĩa của tăng trưởng.

Lại ở trong pháp hiện tại, Vô minh tạo nghiệp là cây khổ nhỏ bé, nếu Ái-Thủ tươi thắm thì được tăng trưởng, không tươi thắm hỷ còn diệt, hướng là lại tăng trưởng hay sao?

Lại hai Chi đầu làm gốc rễ, hai Chi tiếp làm thân, ba Chi tiếp làm cành nhánh, ba Chi tiếp làm hoa, hai Chi sau làm quả. Vô ngã-Ngã

sở kết luận thành tựu Vô ngã, Vô tác-Vô thọ kết luận thành tựu về Không.

Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là dùng Ngã so sánh với Pháp, kết luận thành tựu về nghĩa thù thắng. Vì vậy luận Du Già nói: “Do mười loại tướng duyên khởi rất sâu xa, sáu nghĩa dựa vào Vô thường, một nghĩa dựa vào Khổ, một nghĩa dựa vào Không, hai nghĩa dựa vào Vô ngã.”

Sáu nghĩa dựa vào Vô thường: 1- Thuận theo chủng tử của mình, cũng cần đến duyên khác. 2- Thuận theo nơi khác cũng cần đến chính mình. 3- Cùng thuận theo Dụng không có tạo tác; 4- Tánh của hai nhân này đều là có. Bốn nghĩa này tức là trong đoạn trước đây, chỉ bởi vì nhân duyên mà tích tập chứ không có gì tích tập. 5- Tuy tướng ấy thành tựu từ vô thủy, mà diệt trong sát-na. 6- Tuy diệt trong sát-na mà tựa như dừng lại. Hai nghĩa này tức là tùy ý vận dụng mà diệt trước đây, cũng không có gì diệt.

Một nghĩa dựa vào Khổ: Bởi vì tướng của một vị Khổ mà tựa như ba tướng, kết luận nói là cây khổ.

Một nghĩa dựa vào Không: Nghĩa là lìa xa hữu tình-Tác giả-Thọ giả, nhưng tựa như không lìa xa mà biểu hiện rõ ràng, thì nay là Vô tác-Vô thọ.

Hai nghĩa dựa vào Vô ngã: 1- Tuy thật sự Vô ngã, mà tựa như tướng Ngã hiện rõ, thì nay là hiện tại Vô ngã-Ngã sở; 2- Dựa vào Thắng nghĩa đế, tuy không thể nói được, mà nói tự tánh của các pháp có thể nói được, thì nay từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống, văn kinh đầy đủ mười nghĩa rồi, bởi vì tướng của duyên trước đây đều là nghĩa tương tự.

Trong quán nghịch thẳng thắn hiển bày về chân thật, bởi vì tánh-tướng vô ngại, là quán duyên khởi rất sâu xa, chính là thuộc về nơi này.

Vả lại, Vô tác-Tác giả, tức là hiển bày về duyên sinh, không phải là trời-người làm ra, bởi vì nếu Phật xuất thế hay không xuất thế, thì pháp giới-pháp trú-pháp tánh đều an trú. Đối với một Quán này đã là rất sâu xa, huống gì thêm hai Quán sau?

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận: Trong bốn Quán, môn thứ nhất này tức là Quán thứ nhất về ngu si điên đảo.

Luận tổng quát giải thích rằng: Bởi vì ngu si và điên đảo tùy theo nơi đã đắm vào, mà quán sát về sự việc này, nghĩa là mười hai nhân duyên là nơi đã đắm vào, ngu si-mê lầm về tánh-tướng, chấp trước điên

đảo về Ngã sở.

Sau riêng biệt giải thích về ý, trình bày do mê lầm mà thiết lập hai điên đảo tùy theo ngu si: 1- Từ đầu đến “Tắc vô sinh xứ”, trình bày do mê lầm về duyên với tánh là Vô ngã, chấp Ngã mà trở thành điên đảo. Bởi vì đắm vào Ngã thì sinh ở thế gian, rõ ràng là điên đảo; nếu lìa bỏ đắm vào Ngã này thì không có nơi sinh, trái lại hiển bày đắm vào Ngã này nhất định là điên đảo. 2- Từ “Phục tác...” trở xuống đến hết là một môn thứ nhất trình bày do ngu si mà nghi ngờ mê hoặc điên đảo về duyên sinh là tướng của duyên, nghĩa là không có Trí mà thường mong cầu có-không có, vướng vào hai nẻo của Đoạn-Thường, cho nên nói là nghi ngờ mê hoặc, dẫn đến nối tiếp nhau là tướng của duyên, rõ ràng là điên đảo. Khiến cho Bồ-tát thuận theo sự việc ngu si điên đảo của chúng sinh ấy, khởi lên tâm Bi quán sát, gọi là quán sát về sự.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng: Trong chín Quán, môn này thâm nhiếp toàn bộ Quán thứ nhất và một nửa của Quán thứ hai, nghĩa là hai văn ở phần Thành-Đáp thứ nhất gọi là quán sát phân biệt về nhiễm tịnh. Ở đây có hai ý: 1- Đắm theo Ngã là nhiễm, lìa xa Ngã là tịnh; 2- Đắm theo Ngã mà duyên vào tướng Sinh là nhiễm, lìa xa Ngã mà duyên vào tướng Diệt là tịnh. Tướng sau ở văn kinh, tức là thuộc về Quán thứ hai là nương tựa, nghĩa là tuy dựa vào Đệ nhất nghĩa, mà bởi vì không biết cho nên đã khởi lên các duyên, thì làm chỗ dựa của nhiễm; thấy các duyên của Đệ nhất nghĩa là diệt, thì làm chỗ dựa của tịnh. Trong quán sát về tướng của Đế, bởi vì không biết mà trở thành duyên vào tướng. Trong quán sát về Đại Bi, không biết thì trở thành điên đảo.

Nhưng một môn nối tiếp nhau trên đây, văn kinh không có hai, tùy theo nghĩa phân ba: 1- Trình bày về điên đảo mê hoặc mà khởi duyên, thật sự không có Ngã, thành tựu quán sát về Nhất thiết trí; 2- Thuận theo sự việc ngu si điên đảo, thành tựu quán sát về Trí thuộc tướng của đạo; 3- Suy xét tướng tận về tánh-tướng, nhiễm-tịnh, hiểu biết-mê hoặc, thành tựu quán sát về Chứng trí.

Lại đầu là thuận theo Trí căn bản, tiếp là thuận theo Trí hậu đắc, sau tức là Trí vô ngại. Tuy không có Ngã sở, không hủy hoại tướng, mà khởi lên Đại Bi. Chủ động-thụ động vốn Không, Bi mà không có đắm trước, cả hai tận cùng tánh-tướng, không vướng vào Tự-Tha, ba Quán-một Tâm thành tựu về Trí vô ngại, Bát-nhã rất sâu xa lẽ nào không hiện rõ trước mắt hay sao? Một môn hãy còn như vậy, huống gì thêm chín môn còn lại?